TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 280/2026/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 3 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116 và 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 135/2026/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự*:

1. Bà Trần Thị Mộng T, sinh năm 1997

2. Ông Vũ Quang T1, sinh năm 1984

Cùng địa chỉ: A B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]Về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn: Bà T và ông T1 tự nguyện chung sống, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường B, quận T (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận kết hôn số: 125/2015, quyển số: 01/2015, cấp ngày 18/8/2015. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông T1 là hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, bà T và ông T1 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về tính cách, quan điểm sống, hai bên không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc lẫn nhau. Cả hai bên đã ly thân nhiều năm. Hiện nay, bà T và ông T1 xác định tình cảm vợ chồng không có khả năng hàn gắn nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa hai bên là có cơ sở chấp nhận.

[2]Về con chung: Có 02 con tên Vũ Minh A, sinh ngày 27/12/2015 và Vũ Quỳnh A1, sinh ngày 27/02/2017. Hai bên thỏa thuận giao cả 02 con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 3.000.000 đồng (ba triệu đồng). Bắt đầu thi hành từ tháng 04/2026 cho đến khi cả hai con chung lần lượt thành niên. Xét việc thỏa thuận nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên Tòa án công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[3]Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]Về nợ chung: Không có.

[5]Về các vấn đề khác: Không có.

[6]Về lệ phí Tòa án: 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) do bà T tự nguyện nộp theo quy định.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Mộng T và ông Vũ Quang T1 thuận tình ly hôn {(Giấy chứng nhận kết hôn số: 125/2015, quyển số: 01/2015, ngày 18/8/2015 tại Ủy ban nhân dân Phường B, quận T (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh}.

- Về con chung: Giao 02 con chung tên Vũ Minh A, sinh ngày 27/12/2015 và Vũ Quỳnh A1, sinh ngày 27/02/2017 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 3.000.000 đồng (ba triệu đồng). Bắt đầu thi hành từ tháng 04/2026 cho đến khi cả hai con chung lần lượt thành niên.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

- Về các vấn đề khác: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) do bà T tự nguyện nộp, được cấn trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) mà bà T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0009640 ngày 02/02/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân KV4, TP. HCM;
- Thi hành án dân sự TP. HCM;
- UBND phường T, TP. HCM (để ghi vào sổ hộ tịch): Giấy CNKH số: 125/2015, quyển số: 01/2015, cấp ngày 18/8/2015;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Lan Hương